

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

TS VŨ ANH TUẤN

Học viện Chính trị khu vực III

Cũng như với pháp luật nói chung, pháp luật về quyền con người (QCN) luôn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan đan xen phức tạp ở cả khía cạnh tích cực lẫn tiêu cực. Sự ảnh hưởng của các yếu tố đó đối với pháp luật về QCN cả trong xây dựng pháp luật và trong thực hiện pháp luật. Vì thế, việc nhận diện các yếu tố này rất có ý nghĩa trong đánh giá thực trạng, nguyên nhân và tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật về đảm bảo các QCN, quyền công dân trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) trong thời kỳ mới.

1. Đảm bảo quyền con người là thách thức lớn nhất trong thế giới ngày nay

Thực tế cho thấy, khi đời sống vật chất của con người càng được cải thiện sẽ thúc đẩy nhu cầu về đời sống tinh thần nói chung, nhất là các quyền, tự do của cá nhân và cộng đồng. Ngày nay, mặc dù còn những chênh lệch khá lớn về mức độ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa giữa các quốc gia, cộng đồng nhưng sự bùng nổ mạnh mẽ của thông tin trong xu thế hội nhập thì các quốc gia trên thế giới đều bị đặt trước áp lực, thách thức lớn về đảm bảo QCN. Theo đó, nhu cầu về đảm bảo các QCN ngày càng tăng không chỉ về số lượng mà còn chất lượng, không chỉ với các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa mà nhu cầu về các quyền dân sự, chính trị càng trở nên bức bách, nhất là các quyền tự do và dân chủ của cá nhân, cộng đồng. Đúng như luật gia Nani Palkhivala, nhà hoạt động nhân quyền người Ấn Độ, đã nói: “Thế giới của chúng ta dù vẫn là thế giới của

đàn áp, bạo tàn nhưng ý niệm chung về nhân quyền vẫn trở thành một trong những động lực phát triển của thời đại, trở thành Kinh Phúc âm mới của thời đại chúng ta”¹.

Trong bối cảnh đó, cũng như nhiều quốc gia trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, Việt Nam đang đối mặt với nhiều áp lực về đảm bảo QCN. Điều đó được thể hiện ở những thách thức không nhỏ trong hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật và trong nhiều hoạt động khác của cơ quan nhà nước về đảm bảo QCN.

Nhìn từ góc độ tích cực, đây là cơ hội để Việt Nam vượt qua áp lực, có bước phát triển mới trong đảm bảo QCN, nhất là trong xây dựng và thực thi pháp luật về QCN nói riêng. Nếu vượt qua được, chúng ta sẽ có nhiều tiến bộ trong các hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*, góp phần hiện thực hóa điều 14 Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm QCN, quyền công dân ở Việt Nam. Tuy nhiên, đó lại là thách thức đó rất lớn với chúng ta trong bối cảnh hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật còn nhiều hạn chế, bất cập mà khả năng khắc phục không thể trong “ngày một ngày hai”. Vì thế, hiệu lực, hiệu quả của pháp luật về QCN được cải thiện đến mức độ nào là tùy thuộc rất nhiều vào sự nỗ lực và quyết tâm chính trị của cả bộ máy nhà nước và toàn hệ thống chính trị trong thời gian tới.

2. Áp lực từ các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người mà Việt Nam tham gia

Cho đến nay, Việt Nam đã gia nhập 7/9 Công ước quốc tế cơ bản về QCN, trong đó, có những công ước rất trọng yếu như *Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966*, gia nhập ngày 24-9-1982; *Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966*, gia nhập ngày 24-9-1982; *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979*, ký kết ngày 29-7-1980, phê chuẩn ngày 17-2-1982; *Công ước về quyền trẻ em năm 1989*, ký kết ngày 26-1-1990, phê chuẩn ngày 28-2-1990 và hai Nghị định thư bổ sung về trẻ em trong xung đột vũ trang (ký kết ngày 8-9-2000, phê chuẩn ngày 20-12-2001) và chống sử dụng trẻ em trong các hoạt động mại dâm và tranh ảnh khiêu dâm (ký kết ngày 8-9-2000, phê chuẩn ngày 20-12-2001); *Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006*, ký ngày 22-11-2007 và phê chuẩn ngày 5-2-2015. Bên cạnh đó, tính đến ngày 01-01-2021, Việt Nam đã tham gia 25 công ước về quyền lao động của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), trong đó có 7/8 công ước cơ bản: *Công ước về nghiêm cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (1999)*, *Công ước về xóa bỏ lao động cưỡng bức (1957)*, *Công ước về trả công bình đẳng giữa người lao động (1951)*, *Công ước về chống phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp (1958)*... Riêng *Công ước về tự do hiệp hội và bảo vệ quyền của tổ chức (1948)* dự kiến sẽ phê chuẩn cuối năm 2023 để phù hợp với tiến trình Việt Nam thực thi Hiệp định CPTTP và EVFTA.

Về nguyên tắc, các điều ước quốc tế đó phải được Việt Nam nội luật hóa vào hệ thống pháp luật quốc gia theo đúng lộ trình và thời hạn cam kết. Điều này, trước tiên, sẽ thúc đẩy tiến độ và chất lượng xây dựng pháp luật của Việt Nam theo đúng cam kết của điều ước quốc tế mà chúng ta tham gia. Nhờ đó, hệ thống pháp luật quốc gia về QCN sẽ từng bước được hoàn thiện, hoạt động thực hiện pháp luật về QCN cũng vì thế, sẽ được cải thiện. Nhưng mặt khác, đây sẽ là một áp lực không nhỏ đối với hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện nay của chúng ta. Thêm vào đó, những yếu tố nhạy cảm về phương diện chính trị - nhân quyền thì đây chính là một vấn đề nan giải, đòi

hỏi hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật của toàn bộ máy Nhà nước phải khắc phục để vượt qua.

Mặt khác, xây dựng và thực thi pháp luật về QCN phải kết hợp hài hòa các chuẩn mực, nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế với các điều kiện đặc thù về lịch sử, xã hội, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, chế độ chính trị, trình độ phát triển ở mỗi khu vực, mỗi quốc gia. Đồng thời, xây dựng và thực thi pháp luật về QCN còn phải đảm bảo các nguyên tắc: bảo vệ chủ quyền quốc gia; các quyền và tự do cá nhân không được gây tổn hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của người khác và của cộng đồng. Thực tế cho thấy, giải quyết hài hòa, “thấu lý đạt tình” những yêu cầu trên trong hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật về QCN ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay là điều không dễ dàng.

Thêm vào đó, pháp luật về QCN thường bị “nhiểm” tính nhạy cảm, phức tạp về chính trị, rất dễ bị lợi dụng, xuyên tạc, vu khống bởi những ý đồ chính trị cá nhân hoặc giai cấp. Vì thế, hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật về QCN thường không đơn giản như ở một số lĩnh vực khác. Vì thế, sự thận trọng, cân nhắc về tính phù hợp, hiệu quả chính trị - xã hội - kinh tế trong và ngoài nước là không thể xem nhẹ trong xây dựng và thực thi pháp luật về QCN ở Việt Nam hiện nay.

3. Năng lực xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật

Trong thời gian qua, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về QCN, quyền công dân được triển khai đồng bộ và xuyên suốt thông qua các chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội và các chính sách, cơ chế nhằm triển khai các Luật và văn bản luật này trên thực tế. Tính từ năm 2009 đến nay, Quốc hội đã ban hành và sửa đổi nhiều đạo luật quan trọng nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc cho việc tôn trọng và bảo đảm thực thi quyền con người. Các đạo luật được ban hành mới liên quan đến quyền con người như *Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước (2009)*, *Luật Khám chữa bệnh (2009)*, *Luật Lý lịch tư pháp (2009)*, *Luật Người cao tuổi (2010)*, *Luật Người khuyết tật (2010)*, *Luật Nuôi con nuôi (2010)*, *Luật Thi hành án hình sự (2010)*, *Luật Tổ tụng hành chính (2010)*, *Luật Khiếu nại (2011)*, *Luật Tố cáo (2011)*, *Luật*

Phòng, chống mua bán người (2011), Luật Công đoàn (2012), Luật Xử lý các vi phạm hành chính (2012), Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (2012)... Một số đạo luật quan trọng khác cũng được Quốc hội sửa đổi, bổ sung như Luật Bầu cử Quốc hội và Luật Bầu cử Đại biểu Hội đồng Nhân dân (sửa đổi năm 2010), Bộ luật Lao động (sửa đổi năm 2012), Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012), Luật Xuất bản (sửa đổi năm 2012). Chính phủ cũng ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành luật, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước trong giai đoạn mới. Gần đây, 2 dự thảo sửa đổi: Luật Đất đai năm 2013 và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đang được Quốc hội khóa XV xem xét, cho ý kiến rất thận trọng về những nội dung phức tạp, nhạy cảm, nhằm đảm bảo tối ưu các QCN, quyền công dân có liên quan.

Tuy nhiên, trong hoạt động xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật; triển khai dự án luật; tuân thủ nghiêm túc những nguyên tắc cơ bản của quy trình làm luật; đổi mới và nâng cao chất lượng các khâu thẩm định và thông qua dự luật... còn không ít hạn chế, bất cập. Vẫn còn tình trạng chờ nghị quyết, chính sách mới làm luật; tình trạng luật phải chờ nghị định và nghị định chờ thông tư, quyết định; nhiều quy định nhanh bị lạc hậu, phải thay thế hoặc sửa đổi... đã ảnh hưởng nhiều đến tính kịp thời, hiệu quả của pháp luật về đảm bảo QCN. Đặc biệt, hoạt động triển khai thực hiện pháp luật và giám sát chất lượng thực thi pháp luật luôn bị đánh giá là khâu yếu nhất trong cơ chế điều chỉnh của pháp luật: “Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe”².

Cùng với đó, tiến trình nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, nhất là những nội dung phổ cập và có tính bắt buộc thì sự đáp ứng chưa phải đã như mong muốn. Vì những lý do khách quan, một số nội dung của những điều ước quốc tế chậm được cụ thể hóa thành pháp luật trong nước hoặc có những vấn đề về hiệu lực chưa được khắc phục trong tổ chức thực hiện các điều ước đó. Thêm vào đó, nhu cầu mở rộng, đảm bảo các QCN, quyền công dân trong công cuộc đổi mới cũng tăng

lên, phức tạp hơn đã tạo áp lực nhiều trong khi năng lực xây dựng và thực thi pháp luật của Nhà nước chưa tăng theo tương ứng. Tình trạng đó cần được nhận thức thấu đáo về nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân chủ quan để có giải pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của pháp luật về QCN trong tình hình mới.

4. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước

Thực tế cho thấy, cơ sở hạ tầng quy định trình độ phát triển của các bộ phận cấu thành kiến trúc thượng tầng, trong đó có pháp luật. Vì vậy, trong một quốc gia, chất lượng và hiệu quả của pháp luật phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của quốc gia đó. Ở Việt Nam hiện nay, quy luật này đang tạo những điều kiện thuận lợi nhất định cho sự đổi mới của hệ thống pháp luật về QCN (kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, nhu cầu về quyền QCN tỷ lệ thuận với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội...). Tuy nhiên, thực trạng của mối quan hệ nói trên cũng đặt ra không ít thách thức cho hoạt động xây dựng pháp luật về QCN, nhất là áp lực về nội luật hóa các điều ước quốc tế mà chúng ta đã gia nhập. Vì vậy, nhận thức đúng về mối tương quan giữa trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với trình độ phát triển của hệ thống pháp luật, hoạt động thực thi pháp luật về QCN một mặt, để tránh tình trạng ảo tưởng, nóng vội, duy ý chí và mặt khác, chống lại tình trạng chần chừ, hành động thiếu kiên quyết trong xây dựng và thực thi pháp luật về QCN.

Trong vài ba năm gần đây, chịu sự tác động nặng nề của “hậu Covid-19”, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều phải chấp nhận những thiệt thòi về tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội so với trước. Tăng trưởng GDP toàn cầu giảm từ mức 3,5% trong năm 2022 xuống mức 3% (IMF, tháng 7 - 2023) hoặc 2,7-2,9% (OECD, tháng 6 - 2023) trong các năm 2023 và 2024³. Đồng thời, thế giới còn phải đối mặt với nhiều diễn biến bất thường, bấp bênh, rui ro về chính trị, kinh tế, quân sự. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ về mức độ phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương và cả nước. Theo dự báo, hết năm 2023, tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt

khoảng trên 5%⁴. Do 3 động lực tăng trưởng là đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng đều khó khăn, tăng trưởng thấp, thậm chí đều gặp “trục trặc”, giảm tốc. Theo đó, không ít chính sách, pháp luật liên quan đến đảm bảo QCN về kinh tế, văn hóa, xã hội cũng gặp nhiều khó khăn, bất lợi trong tổ chức thực thi. Đó thật sự là thách thức lớn đối với pháp luật về đảm bảo QCN ở nước ta trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tiếp theo.

5. Tác động của hội nhập quốc tế, của văn hóa pháp lý - nhân quyền truyền thống của dân tộc

Hội nhập quốc tế đang là xu thế tất yếu của các quốc gia, thì sự tác động của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa từ bên ngoài đối với xã hội nước ta là điều hiển nhiên. Theo đó, nó thúc đẩy việc đảm bảo các QCN trong nước, góp phần nâng cao đời sống và nhu cầu về quyền của cá nhân, cộng đồng trong tiến trình hội nhập. Nhờ đó, pháp luật và hoạt động thực thi pháp luật về QCN sẽ được cải thiện từng bước để phù hợp với xu thế chung.

Tuy nhiên, sẽ có không ít tác động không tích cực (hoặc ít nhất là không thuận lợi) cho tiến trình đảm bảo các QCN bằng pháp luật ở Việt Nam. Thực tế cho thấy, những so sánh thiếu cơ sở về QCN ở một số quốc gia phát triển thường được một số người dẫn chứng như là một chuẩn mực để chúng ta phải noi theo, đã tác động đến tâm lý của một bộ phận dân cư. Những tiến bộ về khoa học - công nghệ cho con người nhiều cơ hội để tiếp cận thông tin về QCN song không phải mọi thông tin đó đều có lợi cho nhận thức và thực thi về QCN ở Việt Nam. Không ít thành quả khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ truyền thông, đang bị lợi dụng để chuyển tải những thông tin sai lệch, vu khống về QCN của những phần tử cơ hội chính trị, phản động... Đó là những vấn đề nhân quyền - chính trị phức tạp mà chúng ta đang phải đối mặt, phải giải quyết từ nhiều góc độ, trong đó có lĩnh vực pháp luật về QCN.

Bên cạnh đó, vốn sinh thành và phát triển từ nền văn hóa trồng trọt lúa nước phụ thuộc lớn vào tự nhiên nên từ thuở “khai thiên lập địa”, người Việt đã phải nương tựa vào nhau, coi có kết cộng đồng là nguồn cội sức mạnh của mối quan hệ: nhà - làng - nước. Điều này hiển nhiên là yếu tố rất tích cực

trong dựng nước và giữ nước của người Việt, rất cần được kế thừa, nhân lên bội phần trong sự nghiệp đổi mới nói chung cũng như trong lĩnh vực đảm bảo QCN hiện nay. Tuy nhiên, không thể không nhận thấy mặt không tích cực của truyền thống này là dần dần, cái tôi (bản ngã) lẫn vào trong chúng tôi, cá nhân hòa tan trong cộng đồng. Theo đó, trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định, ý thức về quyền cá nhân trở nên thụ động, nhạt nhòa so với quyền của tập thể (gia đình, họ tộc, làng - nước...). Phải chăng, đó là nguyên nhân của tâm lý thụ động, tự ti của cá nhân trước nhu cầu bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của mình?

Mặt khác, trong ứng xử, người Việt vốn có tâm lý trọng tình hơn trọng lý (*Một trăm cái lý không bằng một tí cái tình*), trọng lệ hơn trọng pháp (*Phép vua thua lệ làng*), xem nhẹ tư pháp, xét xử (*Vô phúc đáo tụng đình*). Tâm lý đó có nhiều nguồn gốc sâu xa như những phản ứng bất tuân đối với sự hà khắc, bất bình đẳng của pháp luật phong kiến, thực dân trong lịch sử. Lâu dần, tâm lý pháp lý này lan truyền qua nhiều thế hệ và chưa dễ phai nhạt cho đến ngày nay. Những yếu tố truyền thống không tích cực đó nếu không được nhận thức thấu đáo, có cách khắc phục hiệu quả sẽ là những thách thức lớn đối với vai trò của pháp luật trong việc đảm bảo và thúc đẩy QCN, quyền công dân ở Việt Nam trong tình hình mới.

6. Các quan điểm sai trái, thù địch về quyền con người

Quyền con người là khái niệm phức tạp, nhạy cảm về chính trị nên trên thực tế, nó rất dễ bị lợi dụng như một thứ vũ khí nhân quyền để phục vụ bởi những ý đồ chính trị xấu. Vì thế, Z.K. Brezinxki, cựu cố vấn an ninh quốc gia của Hoa Kỳ giai đoạn 1977 - 1981 đã không dấu giếm ý đồ chính trị - nhân quyền của ông ta, đại ý: nhân quyền là khái niệm chính trị có sức hấp dẫn nhất trong thời đại ngày nay. Chúng ta lên tiếng hô hào tôn trọng nhân quyền sẽ làm cho tất cả các nước cộng sản lui vào thế thủ. Với chủ trương đó, trong nhiều năm qua, Việt Nam đã phải gánh chịu sự tấn công của các thế lực thù địch từ bên ngoài và của các lực lượng phản động, bất mãn chính trị trong nước. Cách nhẹ nhàng nhất là họ so sánh, áp đặt các chuẩn mực QCN của các nước phương Tây và Hoa Kỳ cho Việt Nam, tung hô

luận điểm: nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia để tạo ra tâm lý nghi ngờ, bi quan trong xã hội. Mặt khác, một số chính phủ và tổ chức quốc tế đã ban hành đạo luật, nghị quyết, báo cáo về nhân quyền trên thế giới trong đó có đánh giá nhân quyền ở Việt Nam với nhiều nội dung không phản ánh đúng thực tế, với thái độ áp đặt, làm phức tạp thêm các vấn đề về dân chủ, dân tộc, tôn giáo để từ đó, lên án Việt Nam vi phạm nhân quyền. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch, bất mãn chính trị trong nước luôn tìm cách lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để bôi nhọ, kích động nhằm gây hoang mang trong dư luận xã hội; gây căng thẳng, mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với Đảng, với Nhà nước để tạo ra những điểm nóng về chính trị - xã hội. Thủ đoạn của họ rất tinh vi thông qua nhiều phương thức nhưng phổ biến là sử dụng các trang mạng xã hội, nhất là Youtube, Facebook, Tiktok, Blog... để đạt được mục tiêu. Theo đó, họ triệt để sử dụng phương pháp mô tả hiện tượng có thật nhưng úp mở, bị xuyên tạc nhằm tạo tâm lý “bán tín bán nghi” để kích động tâm lý về bất công xã hội, phản ứng bất tuân. Thực tế cho thấy ảnh hưởng tiêu cực của cách làm này trong xã hội, nhất là với những nhóm người thiếu điều kiện tiếp cận thông tin đa chiều hoặc bị hạn chế về khả năng thẩm định thông tin, là không nhỏ. Như vậy, nâng cao vai trò của pháp luật trong việc đảm bảo, thúc đẩy QCN, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay

phải gắn kết chặt chẽ với cuộc đấu tranh đối với các quan điểm, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, bất mãn chính trị trên lĩnh vực này. Đó thật sự là một trở ngại, thách thức lớn đối với yêu cầu bảo đảm, thúc đẩy các QCN, quyền công dân nói chung, với hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật về QCN, quyền công dân nói riêng ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay và những năm tiếp theo.

Tóm lại, nhận thức đầy đủ, thấu đáo sự tác động tích cực và tiêu cực của các yếu tố trên đây trước hết, giúp chúng ta xác định đúng những vấn đề cần tiếp tục giải quyết nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật về QCN. Đó chính là điều kiện và phương thức không thể thay thế để nâng cao vai trò của pháp luật trong bảo đảm, thúc đẩy và bảo vệ QCN, quyền công dân ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

1. Phạm Khiêm Ích, Hoàng Văn Hào: *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin khoa học xã hội, H, 1995, tr. 284.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 89.
3. Cổng thông tin điện tử Quốc hội: <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=80684>, truy cập ngày 28-11-2023.
4. <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-pha-t-bieu-be-mac-hoi-nghi-trung-uong-8-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-11923100816244722.htm>.

PHÁT HUY NGUỒN LỰC CỦA CÁC TÔN GIÁO...

Tiếp theo trang 66

1. Theo Tổng Cục thống kê: *Niên giám Tổ chức ngành thống kê năm 2021*, Nxb Thống kê, 2021, tr. 305, dân số tỉnh Kon Tum năm 2021 là 561.742 người.
2. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Kon Tum: *Phật giáo trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum hiện nay*, <https://phatgiao.org.vn/phat-giao-trong-cong-dong-dan-toc-thieu-so-o-tinh-kon-tum-hien-nay>, 2022.
3. Nguyễn Hồng Dương: *Truyền giáo trong vùng dân tộc thiểu số ở Giáo phận Kon Tum nhìn từ góc độ tín ngưỡng, văn hóa - xã hội*. Bài in trong Kỷ yếu quốc tế về Việt Nam học lần thứ hai, 2004, tr. 525.
4. Tỉnh ủy Kon Tum: *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về công tác tôn giáo* (số 25-NQ/TW ngày 12-3-2003).

Tài liệu cung cấp cho đoàn khảo sát số 3 Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 25, 2017.

5. Bảo Toàn: *Cần hiểu đúng về vụ việc xảy ra tại xã Đăk Nông (huyện Ngọc Hồi)*. <https://www.baokon-tum.com.vn/xa-hoi/can-hieu-dung-ve-vu-viec-xay-ra-tai-xa-dak-nong-huyen-ngoc-hoi->, 2023.
6. Ngô Văn Minh: *Sự hình thành cộng đồng tôn giáo - dân tộc ở Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra hiện nay*, Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên, số 1, 2022, tr. 9 - 10.
7. Ngô Văn Minh: *Giải pháp cho vấn đề “đạo lạ” ở Tây Nguyên*. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/3811-giai-phap-cho-van-de-%E2%80%9Cdao-la%E2%80%9D-o-tay-nguyen.html>, 2021.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 171.

